

Số: 279/QĐ-THPTML

Mường Lay, ngày 29 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu thu hồi kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025 còn dư hết nhiệm vụ chi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MƯỜNG LAY

Căn cứ thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định số 535/QĐ-SGDĐT ngày 18/07/2026 của Sở giáo dục và đào tạo Điện Biên về việc thu hồi kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025 còn dư hết nhiệm vụ chi;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu hồi kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025 còn dư hết nhiệm vụ chi của trường THPT Mường Lay (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phó hiệu trưởng, TTCM, TTVP, Bí thư đoàn TN, Kế toán và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT tỉnh Điện Biên
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Bảng tin (để t/báo), đăng website trường;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Văn Hải

Đơn vị: Trường THPT Mường Lay

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 279/QĐ-THPTML ngày 29/07/2026 của Trường THPT Mường Lay)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	311,930
1	Nguồn ngân sách trong nước	311,930
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	

-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	311,930
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	311,930
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	

8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày 29 tháng 07 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Văn Hải

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 535 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 18 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội
năm 2025 còn dư hết nhiệm vụ chi

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh về
việc quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 17/7/2026 của UBND tỉnh
Điện Biên về việc thu hồi kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm
2025 còn dư hết nhiệm vụ chi;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi về ngân sách tỉnh để nộp trả ngân sách Trung ương
nguồn kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025 còn dư hết
nhiệm vụ (đã chuyển nguồn sang năm 2026) của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo
dục và Đào tạo, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ số kinh phí phải thu hồi tại Điều 1 Quyết định này, Thủ
trưởng các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng,
Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1
và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực X;
- KBNN khu vực X-PGD số: 1,2,3,4,5,6,7;
- Lãnh đạo sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.



Hoàng Tuyết Ban



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

**THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (KINH PHÍ CHUYỂN
NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026)**

Đơn vị: Trường THPT Mường Lay

Mã số: 1031714

Mã KBNN nơi giao dịch: 2763

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ Phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	111 929.790
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	311.929,790
1	Chi sự nghiệp giáo dục	311.929,790
1.1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	311.929,790
	Trong đó:	
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	9.012,500
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025-NĐ-CP	3.450,000
	Hỗ trợ học sinh thôn , xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSTW)	285.675,290
	Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT	13.792,000